

## 作物統計調査 令和2年産りんごの結果樹面積、収穫量及び出荷量

— りんごの収穫量は、前年産に比べ9%増加 —

### 【調査結果の概要】

- 1 結果樹面積(注)は3万5,800haで、前年産に比べ200ha(1%)減少した。
- 2 収穫量は76万3,300t、出荷量は69万500tで、前年産に比べそれぞれ6万1,700t(9%)、5万7,700t(9%)増加した。
- 3 品種別の収穫量割合は、ふじが5割を占めている。

図1 りんごの結果樹面積、収穫量及び出荷量(全国)

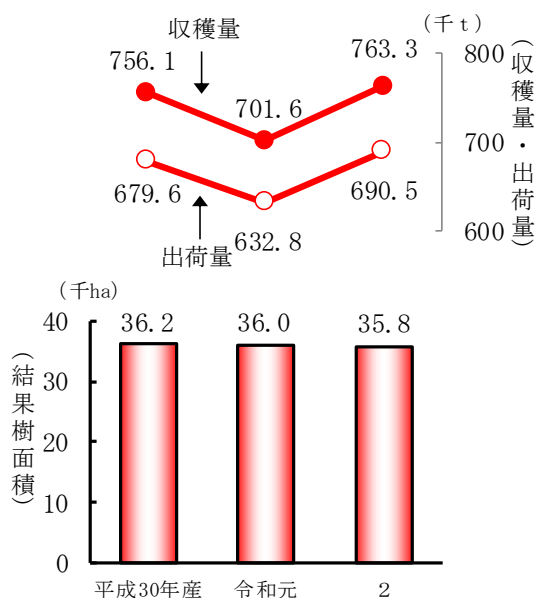
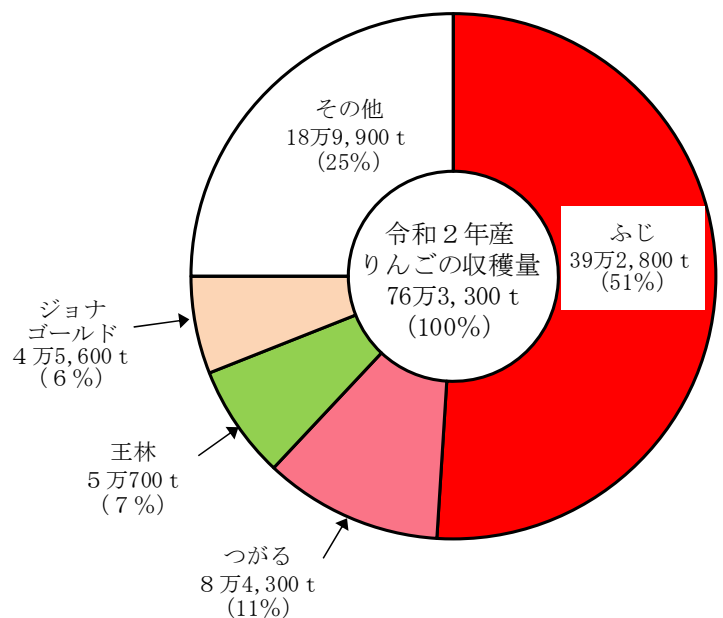


図2 りんごの品種別収穫量(全国)



注：結果樹面積とは、栽培面積のうち生産者が本年産の果実を収穫するために結実させた面積をいう。

本資料は、農林水産省ホームページ「統計情報」の次のURLから御覧いただけます。

【 [https://www.maff.go.jp/j/tokei/kouhyou/sakumotu/sakkyou\\_kazyu/index.html#y2](https://www.maff.go.jp/j/tokei/kouhyou/sakumotu/sakkyou_kazyu/index.html#y2) 】

◎ 調査結果の主な利活用

- ・ 食料・農業・農村基本計画における果実の生産努力目標の策定及びその達成状況の検証のための資料
- ・ 農業保険法（昭和22年法律第185号）に基づく果樹共済事業の適切な運営のための資料

◎ 累年データ

りんごの結果樹面積、10a当たり収量、収穫量及び出荷量（全国）

1 りんご計

2 ふじ

区 分	1 りんご計				2 ふじ			
	結果樹面積 収	10a 当たり 量	収 穫 量	出 荷 量	結果樹面積 収	10a 当たり 量	収 穫 量	出 荷 量
	ha	kg	t	t	ha	kg	t	t
平成 23 年産	37,800	1,730	655,300	582,000	19,700	1,790	351,800	311,600
24	37,400	2,120	793,800	708,400	19,500	2,220	432,100	385,000
25	37,200	1,990	741,700	660,700	19,400	2,040	396,600	356,500
26	37,100	2,200	816,300	730,800	19,300	2,260	436,300	393,100
27	37,000	2,190	811,500	727,700	19,100	2,250	430,600	387,500
28	36,800	2,080	765,000	684,900	19,000	2,140	406,600	364,900
29	36,500	2,010	735,200	655,800	18,800	2,000	376,800	336,500
30	36,200	2,090	756,100	679,600	18,600	2,170	403,000	364,000
令和 元	36,000	1,950	701,600	632,800	18,400	1,950	359,300	325,900
2（概数）	35,800	2,130	763,300	690,500	18,200	2,160	392,800	358,300

資料：農林水産省統計部「果樹生産出荷統計」（以下5まで同じ。）

3 つがる

4 王林

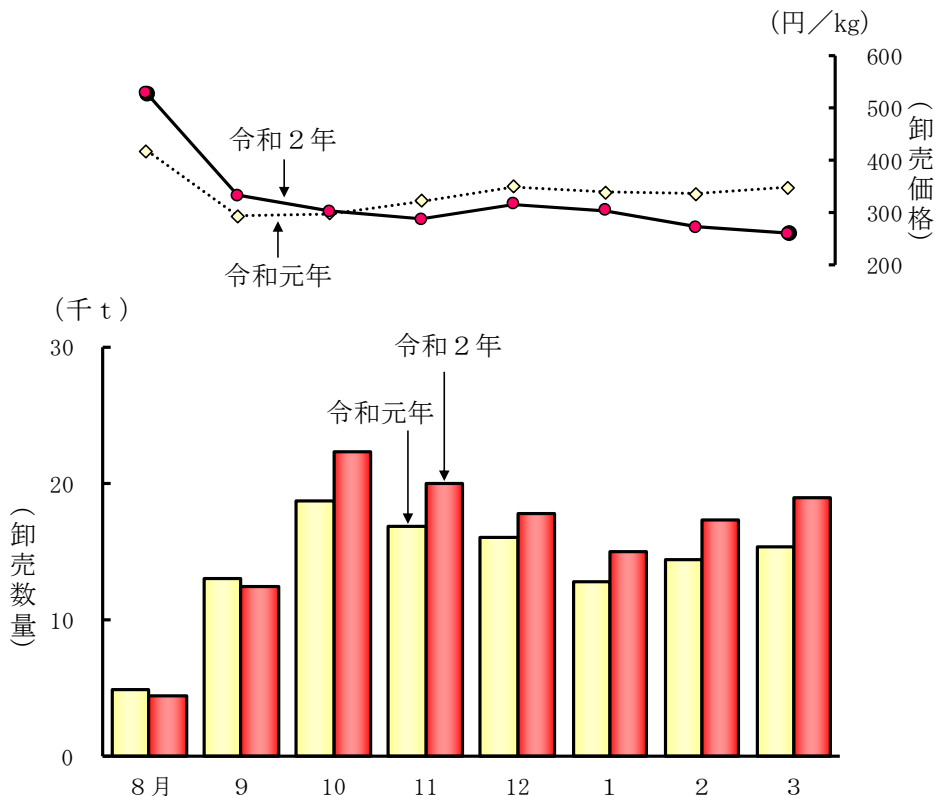
区 分	3 つがる				4 王林			
	結果樹面積 収	10a 当たり 量	収 穫 量	出 荷 量	結果樹面積 収	10a 当たり 量	収 穫 量	出 荷 量
	ha	kg	t	t	ha	kg	t	t
平成 23 年産	5,080	1,660	84,300	74,600	3,200	1,600	51,100	45,700
24	4,990	1,730	86,200	76,600	3,130	2,090	65,300	58,900
25	4,950	1,730	85,600	75,500	3,010	1,980	59,600	54,000
26	4,880	1,880	91,700	81,000	2,980	2,020	60,300	54,200
27	4,820	1,860	89,700	79,300	2,930	2,100	61,400	54,800
28	4,750	1,690	80,200	70,800	2,870	1,960	56,200	50,400
29	4,640	1,800	83,600	73,600	2,830	2,010	57,000	51,300
30	4,540	1,730	78,600	70,100	2,770	1,890	52,300	47,200
令和 元	4,500	1,720	77,200	69,400	2,730	1,900	51,900	47,000
2（概数）	4,440	1,900	84,300	75,900	2,670	1,900	50,700	45,900

5 ジョナゴールド

区 分	5 ジョナゴールド			
	結果樹面積 収	10a 当たり 量	収 穫 量	出 荷 量
	ha	kg	t	t
平成 23 年産	2,870	1,740	49,800	44,700
24	2,800	2,090	58,500	52,600
25	2,700	1,900	51,400	47,100
26	2,660	2,130	56,600	51,600
27	2,620	2,150	56,300	51,200
28	2,590	2,110	54,700	49,700
29	2,550	2,020	51,400	46,700
30	2,500	1,960	49,000	44,400
令和 元	2,450	1,770	43,300	39,300
2（概数）	2,390	1,910	45,600	41,500

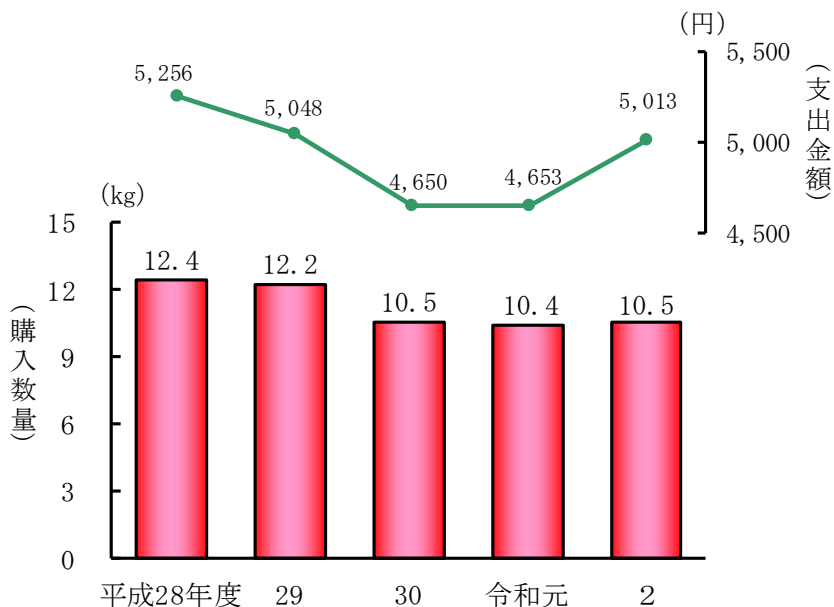
◎ 関連データ

1 りんごの卸売数量及び卸売価格の推移（主要卸売市場）



資料：農林水産省統計部「青果物卸売市場調査（日別調査）」  
 注：日別調査は、14都市（札幌市、仙台市、東京都、横浜市、金沢市、名古屋市、京都市、大阪市、神戸市、広島市、高松市、北九州市、福岡市、沖縄県）の中央卸売市場に所在する全ての青果物卸売会社を対象とした調査である。

2 りんごの1世帯当たり年間の支出金額及び購入数量の推移



資料：総務省「家計調査」（家計収支編）（二人以上の世帯）  
 注：数値は、月別値を各年度ごとに積み上げて算出したものである。

## 【調査結果】

1 結果樹面積は3万5,800haで、前年産に比べ200ha（1%）減少した。

2 10a当たり収量は2,130kgで、前年産に比べ180kg（9%）上回った。

これは、青森県において、おおむね天候に恵まれ、果実の肥大が良好だったことに加え、長野県において、台風被害により作柄の悪かった前年産に比べて被害が少なく、生育が良好だったこと等による。

3 収穫量は76万3,300t、出荷量は69万500tで、前年産に比べそれぞれ6万1,700t（9%）、5万7,700t（9%）増加した。

4 都道府県別の収穫量割合は、青森県が61%、長野県が18%、岩手県が6%となっており、この3県で全国の約9割を占めている。

図3 りんごの結果樹面積、収穫量及び出荷量の推移（全国）

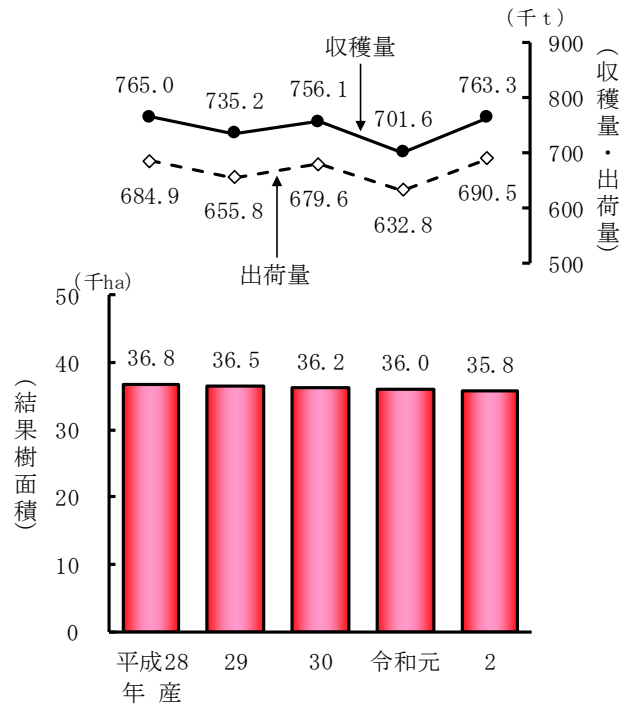


図4 りんごの都道府県別収穫量

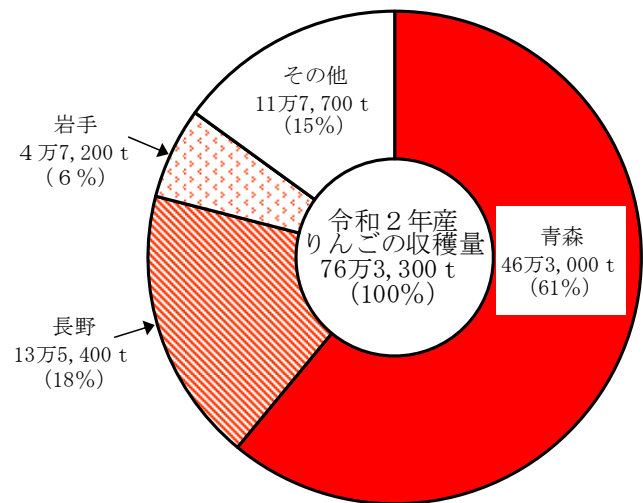


表 令和2年産りんごの結果樹面積、10a当たり収量、収穫量及び出荷量（全国）

品目・品種	結果樹面積	10a当たり収量	収穫量		出荷量	対前年産比			
			実数	割合		結果樹面積	10a当たり収量	収穫量	出荷量
	ha	kg	t	%	t	%	%	%	%
りんご	35,800	2,130	763,300	100	690,500	99	109	109	109
うちふじ	18,200	2,160	392,800	51	358,300	99	111	109	110
つがる	4,440	1,900	84,300	11	75,900	99	110	109	109
王林	2,670	1,900	50,700	7	45,900	98	100	98	98
ジョナゴールド	2,390	1,910	45,600	6	41,500	98	108	105	106

# 【統計表】

## 統計表一覧

ページ

令和2年産りんごの結果樹面積、10a当たり収量、収穫量及び出荷量

1	りんご計	.....	6
2	ふじ	.....	7
3	つがる	.....	8
4	王林	.....	9
5	ジョナゴールド	.....	10

## 利用上の注意

- 1 統計数値については、次の方法によって四捨五入しており、合計値と内訳の計が一致しない場合がある。

原数		6桁 (10万)	5桁 (1万)	4桁 (1,000)	3桁以下 (100)
四捨五入する桁（下から）		2桁		1桁	四捨五入しない
例	四捨五入する前（原数）	123,456	12,345	1,234	123
	四捨五入した数値（統計数値）	123,500	12,300	1,230	123

- 2 表中に用いた記号は次のとおりである。
  - 「0」： 単位に満たないもの（例：0.4ha → 0ha）
  - 「-」： 事実のないもの
  - 「nc」： 計算不能
  - 「x」： 個人又は法人その他の団体に関する秘密を保護するため、統計数値を公表しないもの
- 3 統計調査結果について、生産者数が2以下の場合には、個人又は法人その他の団体に関する調査結果の秘密保護の観点から、当該結果を「x」表示とする秘匿措置を施している。  
 なお、全体（計）からの差引きにより、秘匿措置を講じた当該結果が推定できる場合には、本来秘匿措置を施す必要のない箇所についても「x」表示としている。
- 4 この統計表に掲載された数値を他に転載する場合は、「令和2年産りんごの結果樹面積、収穫量及び出荷量」（農林水産省）による旨を記載してください。

令和2年産りんごの結果樹面積、10a当たり収量、収穫量及び出荷量

1 りんご計

全国農業地域 都道府県	結果樹面積	10a当たり 収量	収穫量	出荷量	対前年産比			
					結果樹 面積	10a当たり 収量	収穫量	出荷量
	ha	kg	t	t	%	%	%	%
全 国 (全国農業地域)	35,800	2,130	763,300	690,500	99	109	109	109
北海道	520	1,590	8,270	7,820	101	102	103	103
北海道	35,200	2,140	755,000	682,600	nc	nc	nc	nc
東北	26,800	2,240	600,700	540,600	100	110	110	110
北陸	178	1,330	2,370	2,120	nc	nc	nc	nc
関東・東山	7,940	1,850	146,800	135,300	nc	nc	nc	nc
東海	87	1,780	1,550	1,400	nc	nc	nc	nc
近畿	24	833	200	180	nc	nc	nc	nc
中国	188	1,600	3,010	2,730	nc	nc	nc	nc
九州	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
沖縄	32	941	301	285	nc	nc	nc	nc
(都道府県)	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
北海道	520	1,590	8,270	7,820	101	102	103	103
青森	19,700	2,350	463,000	420,100	100	113	113	113
岩手	2,300	2,050	47,200	40,600	99	104	103	103
宮城	172	1,560	2,680	2,270	99	105	103	104
秋田	1,290	1,950	25,200	23,000	99	110	109	109
山形	2,150	1,930	41,500	36,300	98	104	102	103
福島	1,200	1,760	21,100	18,300	100	91	91	91
茨城	102	1,230	1,250	1,190	nc	nc	nc	nc
栃木	140	1,720	2,410	2,240	nc	nc	nc	nc
群馬	408	1,680	6,850	6,440	100	86	85	91
埼玉	17	658	112	99	nc	nc	nc	nc
千葉	2	776	16	14	nc	nc	nc	nc
東京都	7	756	53	45	nc	nc	nc	nc
神奈川県	12	758	91	85	nc	nc	nc	nc
新潟	41	1,430	586	489	nc	nc	nc	nc
富山	89	1,290	1,150	1,070	95	121	114	120
石川	46	1,360	626	554	98	94	92	98
福井	2	600	12	3	nc	nc	nc	nc
山梨	49	1,360	666	572	98	97	95	96
長野	7,200	1,880	135,400	124,600	99	107	106	107
岐阜	81	1,830	1,480	1,340	99	94	93	93
静岡県	4	1,520	61	57	nc	nc	nc	nc
愛知県	2	608	12	6	nc	nc	nc	nc
三重	0	500	1	0	nc	nc	nc	nc
滋賀	2	287	6	4	nc	nc	nc	nc
京都	4	600	24	21	nc	nc	nc	nc
大阪	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
兵庫県	11	1,060	117	110	nc	nc	nc	nc
奈良	4	750	30	25	nc	nc	nc	nc
和歌山	3	770	23	20	nc	nc	nc	nc
鳥取	32	1,060	339	285	nc	nc	nc	nc
島根	4	1,420	57	56	nc	nc	nc	nc
岡山	23	610	140	80	nc	nc	nc	nc
広島	86	1,980	1,700	1,620	101	128	129	130
山口	43	1,800	774	686	nc	nc	nc	nc
徳島	0	250	1	0	nc	nc	nc	nc
香川	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
愛媛	5	1,100	55	49	nc	nc	nc	nc
高知	2	1,200	24	21	nc	nc	nc	nc
福岡	14	1,060	148	144	nc	nc	nc	nc
佐賀	4	1,380	55	51	nc	nc	nc	nc
長崎	0	1,300	1	1	nc	nc	nc	nc
熊本	7	460	32	31	nc	nc	nc	nc
大分	2	450	9	8	nc	nc	nc	nc
宮崎	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
鹿児島	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
沖縄	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc

## 2 ふじ

全国農業地域 都道府県	結果樹面積	10 a 当たり 収 量	収 穫 量	出 荷 量	対 前 年 産 比			
					結果樹 面 積	10 a 当たり 収 量	収 穫 量	出 荷 量
全 国 (全国農業地域)	18,200	2,160	392,800	358,300	99	111	109	110
北海道	99	1,550	1,530	1,450	98	103	100	101
北海道	18,100	2,160	391,300	356,900	nc	nc	nc	nc
東北	13,400	2,270	304,600	277,300	99	112	111	111
北陸	119	1,390	1,660	1,490	nc	nc	nc	nc
関東・東山	4,490	1,840	82,600	75,900	nc	nc	nc	nc
東海	38	1,830	695	629	nc	nc	nc	nc
近畿	12	833	100	90	nc	nc	nc	nc
中国	88	1,660	1,460	1,350	nc	nc	nc	nc
四国	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
九州	9	1,000	90	85	nc	nc	nc	nc
沖縄	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
(都道府県)								
北海道	99	1,550	1,530	1,450	98	103	100	101
青森	9,430	2,380	224,400	206,900	100	115	115	115
岩手	990	2,260	22,400	19,200	99	104	103	104
宮城	115	1,640	1,890	1,580	100	112	113	114
秋田	792	2,030	16,100	14,700	98	113	110	111
山形	1,210	2,000	24,200	21,200	98	106	104	104
福島	840	1,860	15,600	13,700	99	92	91	91
茨城	64	1,290	826	787	nc	nc	nc	nc
栃木	75	1,760	1,320	1,230	nc	nc	nc	nc
群馬	180	1,760	3,170	2,930	99	94	93	97
埼玉	9	711	64	57	nc	nc	nc	nc
千葉	1	898	9	8	nc	nc	nc	nc
東京都	4	747	30	26	nc	nc	nc	nc
神奈川県	3	390	12	10	nc	nc	nc	nc
新潟	28	1,470	412	350	nc	nc	nc	nc
富山	66	1,370	904	841	94	121	114	117
石川	24	1,410	338	295	100	95	95	98
福井	1	600	6	1	nc	nc	nc	nc
山梨	15	1,370	206	173	100	97	97	96
長野	4,140	1,860	77,000	70,700	98	106	104	106
岐阜	37	1,840	681	616	100	93	93	92
静岡	1	1,400	14	13	nc	nc	nc	nc
愛知	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
三重	0	420	0	0	nc	nc	nc	nc
滋賀	1	383	4	2	nc	nc	nc	nc
京都	2	600	12	11	nc	nc	nc	nc
大阪	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
兵庫県	4	1,130	45	42	nc	nc	nc	nc
奈良	2	850	17	16	nc	nc	nc	nc
和歌山	3	740	22	19	nc	nc	nc	nc
鳥取	18	1,160	209	182	nc	nc	nc	nc
島根	2	1,150	23	22	nc	nc	nc	nc
岡山	9	590	53	33	nc	nc	nc	nc
広島	37	2,050	759	725	100	123	123	124
山口	22	1,900	418	385	nc	nc	nc	nc
徳島	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
香川	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
愛媛	2	1,100	22	20	nc	nc	nc	nc
高知	1	1,100	11	10	nc	nc	nc	nc
福岡	5	1,100	55	53	nc	nc	nc	nc
佐賀	1	900	9	8	nc	nc	nc	nc
長崎	0	1,170	0	0	nc	nc	nc	nc
熊本	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
大分	1	600	6	5	nc	nc	nc	nc
宮崎	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
鹿児島	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
沖縄	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc

令和2年産りんごの結果樹面積、10a当たり収量、収穫量及び出荷量(続き)

3 つがる

全国農業地域 ・ 都道府県	結果樹面積	10a当たり 収量	収穫量	出荷量	対前年産比			
					結果樹 面積	10a当たり 収量	収穫量	出荷量
	ha	kg	t	t	%	%	%	%
全 国 (全国農業地域)	4,440	1,900	84,300	75,900	99	110	109	109
北海道	129	1,630	2,100	1,990	99	102	101	102
北海道	4,310	1,910	82,200	73,900	nc	nc	nc	nc
東北	2,910	2,030	59,000	52,100	100	113	112	112
北陸	13	1,250	163	144	nc	nc	nc	nc
関東・東山	1,350	1,670	22,500	21,100	nc	nc	nc	nc
東海	16	1,760	281	253	nc	nc	nc	nc
近畿	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
中国	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
四国	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
九州	5	1,200	60	57	nc	nc	nc	nc
沖縄	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
(都道府県)								
北海道	129	1,630	2,100	1,990	99	102	101	102
青森	2,270	2,100	47,700	42,300	100	116	116	116
岩手	250	1,890	4,730	4,050	99	102	101	101
宮城	19	1,520	289	246	90	104	94	95
秋田	37	1,650	611	560	100	101	101	103
山形	233	1,760	4,100	3,620	98	100	98	98
福島	101	1,500	1,520	1,350	100	90	90	90
茨城	2	1,350	27	24	nc	nc	nc	nc
栃木	19	1,560	296	273	nc	nc	nc	nc
群馬	39	1,820	710	613	98	87	85	83
埼玉	3	500	15	13	nc	nc	nc	nc
千葉	0	525	1	0	nc	nc	nc	nc
東京都	1	620	6	5	nc	nc	nc	nc
神奈川県	3	873	26	24	nc	nc	nc	nc
新潟	3	1,400	42	33	nc	nc	nc	nc
富山	3	967	29	28	100	94	94	97
石川	7	1,310	92	83	100	92	92	92
福井	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
山梨	28	1,400	392	341	97	97	93	94
長野	1,250	1,680	21,000	19,800	97	108	105	105
岐阜	14	1,900	266	241	100	96	96	96
静岡県	1	718	7	7	nc	nc	nc	nc
愛知県	1	760	8	5	nc	nc	nc	nc
三重	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
滋賀	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
京都	0	500	1	1	nc	nc	nc	nc
大阪	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
兵庫県	2	901	18	15	nc	nc	nc	nc
奈良	1	540	5	4	nc	nc	nc	nc
和歌山	0	600	1	1	nc	nc	nc	nc
鳥取	3	1,030	31	23	nc	nc	nc	nc
島根	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
岡山	4	550	22	14	nc	nc	nc	nc
広島	7	1,760	123	115	100	117	116	115
山口	3	1,330	40	35	nc	nc	nc	nc
徳島	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
香川	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
愛媛	1	1,000	10	8	nc	nc	nc	nc
高知	1	700	7	6	nc	nc	nc	nc
福岡	3	1,070	32	31	nc	nc	nc	nc
佐賀	1	1,900	19	18	nc	nc	nc	nc
長崎	0	1,320	1	1	nc	nc	nc	nc
熊本	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
大分	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
宮崎	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
鹿児島	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
沖縄	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc



#### 4 王林

全国農業地域 都道府県	結果樹面積	10 a 当たり 収 量	収 穫 量	出 荷 量	対 前 年 産 比			
					結果樹 面 積	10 a 当たり 収 量	収 穫 量	出 荷 量
全 国 (全国農業地域)	2,670	1,900	50,700	45,900	98	100	98	98
北海道	23	1,800	414	385	96	105	100	103
北海道	2,640	1,910	50,300	45,500	nc	nc	nc	nc
東北	2,500	1,920	48,100	43,600	99	99	98	98
北陸	9	1,290	116	90	nc	nc	nc	nc
関東・東山	126	1,480	1,860	1,720	nc	nc	nc	nc
東海	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
近畿	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
中国	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
四国	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
九州	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
沖縄	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
(都道府県)								
北海道	23	1,800	414	385	96	105	100	103
青森	2,080	1,970	41,000	37,400	99	100	99	99
岩手	150	1,740	2,610	2,230	95	99	94	94
宮城	10	1,400	140	120	100	99	99	99
秋田	93	1,750	1,630	1,460	98	99	97	97
山形	117	1,810	2,120	1,830	98	107	104	105
福島	44	1,430	629	551	100	89	89	89
茨城	2	1,350	27	25	nc	nc	nc	nc
栃木	4	1,480	59	53	nc	nc	nc	nc
群馬	3	1,630	49	48	100	102	102	114
埼玉	1	510	5	4	nc	nc	nc	nc
千葉	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
東京都	0	660	3	2	nc	nc	nc	nc
神奈川県	0	950	4	4	nc	nc	nc	nc
新潟	2	1,900	38	21	nc	nc	nc	nc
富山	6	1,070	64	58	100	91	90	98
石川	1	1,200	12	11	100	100	100	100
福井	0	500	2	0	nc	nc	nc	nc
山梨	3	1,060	32	27	100	96	97	96
長野	113	1,490	1,680	1,560	93	101	94	93
岐阜	2	1,620	32	29	67	94	62	62
静岡県	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
愛知県	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
三重	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
滋賀	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
京都	0	600	1	1	nc	nc	nc	nc
大阪	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
兵庫県	1	1,140	11	10	nc	nc	nc	nc
奈良	0	540	1	0	nc	nc	nc	nc
和歌山	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
鳥取	2	1,000	20	13	nc	nc	nc	nc
島根	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
岡山	3	650	20	13	nc	nc	nc	nc
広島	3	1,470	44	42	100	98	98	105
山口	1	1,460	15	14	nc	nc	nc	nc
徳島	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
香川	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
愛媛	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
高知	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
福岡	1	1,000	10	10	nc	nc	nc	nc
佐賀	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
長崎	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
熊本	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
大分	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
宮崎	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
鹿児島	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
沖縄	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc

令和2年産りんごの結果樹面積、10a当たり収量、収穫量及び出荷量(続き)

5 ジョナゴールド

全国農業地域 都道府県	結果樹面積	10a当たり 収量	収穫量	出荷量	対前年産比			
					結果樹 面積	10a当たり 収量	収穫量	出荷量
	ha	kg	t	t	%	%	%	%
全 国 (全国農業地域)	2,390	1,910	45,600	41,500	98	108	105	106
北海道	23	1,440	331	318	100	103	103	102
北海道	2,370	1,910	45,300	41,200	nc	nc	nc	nc
東北	2,330	1,910	44,600	40,600	98	108	106	106
北陸	0	nc	8	7	nc	nc	nc	nc
関東・東山	28	1,610	451	417	nc	nc	nc	nc
東海	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
近畿	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
中国	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
九州	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
沖縄	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
(都道府県)								
北海道	23	1,440	331	318	100	103	103	102
青森	1,900	1,920	36,500	33,600	97	110	107	107
岩手	360	1,960	7,060	6,090	99	103	102	103
宮城	7	1,660	116	101	100	108	107	107
秋田	4	1,850	74	68	100	103	103	103
山形	14	1,720	241	210	93	110	103	103
福島	41	1,590	652	578	100	90	90	90
茨城	2	1,400	28	25	nc	nc	nc	nc
栃木	6	1,500	90	82	nc	nc	nc	nc
群馬	2	1,800	36	34	100	90	90	92
埼玉	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
千葉	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
東京都	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
神奈川県	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
新潟	0	1,650	2	1	nc	nc	nc	nc
富山	0	936	1	1	nc	91	100	100
石川	0	1,180	5	5	nc	98	100	100
福井	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
山梨	0	1,050	2	1	nc	97	100	100
長野	18	1,640	295	275	78	98	77	77
岐阜	2	1,450	29	26	100	95	97	96
静岡県	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
愛知県	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
三重	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
滋賀	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
京都	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
大阪	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
兵庫県	1	1,330	13	13	nc	nc	nc	nc
奈良	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
和歌山	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
鳥取	1	900	9	5	nc	nc	nc	nc
島根	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
岡山	1	740	7	4	nc	nc	nc	nc
広島	6	1,770	106	101	100	106	106	107
山口	0	1,340	1	1	nc	nc	nc	nc
徳島	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
香川県	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
愛媛	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
高知県	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
福岡	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
佐賀	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
長崎	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
熊本	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
大分	0	110	0	0	nc	nc	nc	nc
宮崎	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc
鹿児島	x	x	x	x	nc	nc	nc	nc
沖縄	-	-	-	-	nc	nc	nc	nc

## 【調査の概要】

### 1 調査の目的

本調査は、作物統計調査の作況調査の果樹調査として実施したものであり、果樹の結果樹面積、収穫量、出荷量等の現状とその動向を明らかにし、食料・農業・農村基本計画における果実の生産努力目標の策定及びその達成状況の検証、農業保険法に基づく果樹共済事業の適切な運営等のための資料を整備することを目的としている。

### 2 調査の対象

#### (1) 調査の範囲

令和2年産については、全国を対象として調査を実施した。

なお、全ての都道府県を調査対象とする全国調査を6年ごとに実施しており、全国調査年以外の年にあつては、調査対象品目ごとに、直近の全国調査年における面積調査結果に基づき、全国の栽培面積のおおむね80%を占めるまでの上位都道府県及び調査対象品目に係る果樹共済事業を実施する都道府県を調査の範囲（主産県）としている。

#### (2) 調査対象者の選定

##### ア 関係団体調査（全数調査）

調査対象品目を取り扱っている全ての農協等の関係団体とした。

##### イ 標本経営体調査（標本調査）

都道府県ごとの収穫量に占める関係団体の取扱数量の割合が8割に満たない都道府県については、2015年農林業センサスにおいて、調査対象品目を販売目的で栽培し関係団体以外に出荷した農林業経営体から、品目別の作付面積の大きさに比例した確率比例抽出法により抽出を行った。

標本の大きさ（標本経営体数）については、全国の目標精度（1～2%）が確保されるよう、調査対象品目の全国収穫量に占める都道府県ごとのシェアを考慮して設定した10a当たり収量に関する目標精度（おおむね3%）及び団体シェアの割合等に基づき、必要な標本経営体数を算出した。

#### (3) 調査対象者数

	関係団体調査			標本経営体調査				
	団体数 ①	有効回収数 ②	有効回収率 ③=②/①	母集団の大きさ ④	標本の大きさ ⑤	抽出率 ⑥=⑤/④	有効回収数 ⑦	有効回収率 ⑧=⑦/⑤
	団体	団体	%	経営体	経営体	%	経営体	%
りんご	216	186	86.1	25,161	1,041	4.1	716	68.8

注：「有効回収数」とは、集計に用いた関係団体及び標本経営体の数であり、回収はされたが、当年産において栽培がなかった標本経営体等は含まれていない。

### 3 調査事項

#### (1) 関係団体調査

調査対象品目の結果樹面積及び出荷量

#### (2) 標本経営体調査

調査対象品目の結果樹面積、出荷量及び「自家用、無償の贈与の量」

### 4 調査期日

収穫・出荷終了時

なお、本調査の年産区分の主たる収穫期間は、次のとおりである。

品目	主たる収穫期間
りんご	令和2年8月～11月

## 5 調査方法

本調査は、関係団体に対する往復郵送調査又はオンライン調査及び標本経営体に対する往復郵送調査により行った。

## 6 集計方法

### (1) 都道府県値

ア 結果樹面積の集計は、関係団体調査結果を基に、職員又は統計調査員による巡回・見積り及び職員による情報収集により補完している。

イ 収穫量の集計は、関係団体調査及び標本経営体調査の結果から得られた10a当たり収量に結果樹面積を乗じて算出し、必要に応じて職員又は統計調査員による巡回及び職員による情報収集により補完している。

ウ 出荷量の集計は、関係団体調査結果から得られた出荷量及び標本経営体調査結果から得られた10a当たり出荷量等を基に算出している。

### (2) 全国値

結果樹面積、収穫量及び出荷量は、都道府県値の積み上げにより算出した。

## 7 実績精度

本調査結果の10a当たり収量を指標とした実績精度を標準誤差率（標準誤差の推定値÷推定値×100）により示すと、次のとおりである。

品 目	標準誤差率(%)
りんご	1.5

## 8 用語の解説

- (1) 栽培面積とは、調査日現在において、複数年にわたって収穫を行うことができる永年性作物の栽培に利用している面積をいう。
- (2) 結果樹面積とは、栽培面積のうち、生産者が本年産の果実を収穫するために結実させた面積をいう。
- (3) 収穫量とは、収穫したもののうち、生食用又は加工用として流通する基準を満たすものの重量をいう。
- (4) 出荷量とは、収穫量のうち、生食用、加工用として販売した量をいい、生産者が自家消費した量及び種子用、飼料用として販売したものは含めない。

## 9 全国農業地域の表章区分

全国農業地域名	所属都道府県名
北海道	北海道
東北	青森、岩手、宮城、秋田、山形、福島
北陸	新潟、富山、石川、福井
関東・東山	茨城、栃木、群馬、埼玉、千葉、東京、神奈川、山梨、長野
東海	岐阜、静岡、愛知、三重
近畿	滋賀、京都、大阪、兵庫、奈良、和歌山
中国	鳥取、島根、岡山、広島、山口
四国	徳島、香川、愛媛、高知
九州	福岡、佐賀、長崎、熊本、大分、宮崎、鹿児島
沖縄	沖縄

## 10 その他

この資料の数値は、概数値である。確定した詳細な数値は、ホームページに掲載（令和3年12月予定）するとともに、その後刊行する『令和2年産果樹生産出荷統計』に掲載する。

なお、公表した数値の正誤情報は、ホームページでお知らせする。

## 【ホームページ掲載案内】

- 各種農林水産統計調査結果は、農林水産省ホームページ中の統計情報で御覧いただけます。  
【 <https://www.maff.go.jp/j/tokei/> 】  
この結果は、分野別分類「作付面積・生産量、被害、家畜の頭数など」、品目別分類「果樹」の「作況調査（果樹）」で御覧いただけます。  
【 [https://www.maff.go.jp/j/tokei/kouhyou/sakumotu/sakkyou\\_kazyu/index.html#y2](https://www.maff.go.jp/j/tokei/kouhyou/sakumotu/sakkyou_kazyu/index.html#y2) 】

## 【関連リンク】

果樹関係ページ：農林水産省＞組織別から探す＞生産局＞園芸作物（野菜・果樹・花き）＞果樹のページ

<https://www.maff.go.jp/j/seisan/ryutu/fruits/>

果樹農業振興基本方針：農林水産省＞組織別から探す＞生産局＞園芸作物（野菜・果樹・花き）＞果樹のページ＞果樹施策の概要

<https://www.maff.go.jp/j/seisan/ryutu/fruits/attach/pdf/index-96.pdf>

### お問合せ先

◎本統計調査結果について

農林水産省 大臣官房統計部  
生産流通消費統計課 園芸統計班  
電話：（代表）03-3502-8111 内線 3680  
（直通）03-6744-2044  
FAX： 03-5511-8771

◎農林水産統計全般について

農林水産省 大臣官房統計部  
統計企画管理官 統計広報推進班  
電話：（代表）03-3502-8111 内線 3589  
（直通）03-6744-2037  
FAX： 03-3501-9644



### 政府統計

政府統計の総合窓口  
(e-Stat)  
<https://www.e-stat.go.jp/>